Ký bởi: UBND Tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:6076 /BC-UBND	*Điện Biên, ngày 13 tháng 7 năm 2026*

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026; Định hướng và dự toán ngân sách khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027

Thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 12/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2027; Công văn số 4194/BKHCN-KHTC ngày 16/6/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027; Công văn số 8453/BTC-NSNN ngày 19/6/2026 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn đánh giá thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027.

Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026; Định hướng hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027; Kế hoạch dự toán ngân sách khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027, gồm các nội dung sau:

PHẦN THỨ NHẤT
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KH, CN, ĐMST&CĐS NĂM 2026

I. ƯỚC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU, MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KH, CN, ĐMST&CĐS NĂM 2026

Trong 06 chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 thuộc lĩnh vực của ngành, ước 05/06 chỉ tiêu đạt kế hoạch; 01 chỉ tiêu chưa đạt là số điểm phục vụ bưu chính, ước thực hiện 171/183 điểm, đạt 93,4% kế hoạch. Việc giảm 12 điểm phục vụ bưu chính theo phương án sắp xếp của doanh nghiệp không đồng thời làm thay đổi chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã được HĐND tỉnh quyết nghị, UBND tỉnh giao; cơ quan chuyên môn cần rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh chỉ tiêu (nếu đủ căn cứ) trước khi xác định hoàn thành kế hoạch[1]

[1] Nghị quyết số 270/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khóa XV - kỳ họp thứ Hai mươi tư về Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2026; Nghị quyết số 287/NQ-HĐND ngày 27/02/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 tại Nghị quyết số 270/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 2840/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2026, tỉnh Điện Biên

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo).

Tại các Nghị quyết, Quyết định, Thông báo của Ban Chỉ đạo Chính phủ để thực hiện Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị[2]: Tổng số **60 nhiệm vụ**, trong đó: **19 nhiệm vụ** đã hoàn thành, **26 nhiệm vụ** thường xuyên, **13 nhiệm vụ** có thời hạn đang thực hiện, không có nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành, **02 nhiệm vụ** tỉnh đề xuất không thực hiện tại tỉnh (do điều kiện thực tiễn trên địa bàn tỉnh chưa hình thành các khu/cụm công nghiệp tập trung)[3].

Đối với các nhiệm vụ do tỉnh giao, theo kết quả rà soát đến ngày 10/7/2026: 34/34 nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành trong quý I và quý II/2026 tại Kế hoạch số 33-KH/BCĐ và Kế hoạch số 1876/KH-UBND đã hoàn thành. Đối với 40 nhiệm vụ theo Báo cáo số 37-BC/BCĐ ngày 08/4/2026, có 32/40 nhiệm vụ đã hoàn thành; 08 nhiệm vụ chưa hoàn thành đúng tiến độ, gồm 06 nhiệm vụ cơ bản hoàn thành, 01 nhiệm vụ chưa hoàn thành và 01 nhiệm vụ được gia hạn. Nhiệm vụ chưa hoàn thành là xóa vùng lõm sóng, mở rộng 4G/5G, phát triển cáp quang đến thôn, bản và ngầm hóa cáp viễn thông đô thị. Hai nhiệm vụ tỉnh đề xuất không thực hiện chỉ được loại khỏi danh mục theo dõi sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

Về đóng góp phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế:

- Có 01 ngành viễn thông (ngành 61) có tỷ trọng đáng kể trong giá trị tăng thêm (tỷ trọng kế hoạch cả năm 1.084/33.173 tỷ đồng, tỷ trọng ước thực hiện 6 tháng đầu năm 575,921/15.437,330 tỷ đồng). Tốc độ tăng trưởng 6 tháng đầu năm 106,7%.

- Một số ngành còn lại tỷ trọng rất nhỏ trong giá trị tăng thêm, có mức đóng góp không đáng kể vào mức tăng trưởng chung:

+ Ngành 62 lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính (tỷ trọng kế hoạch cả năm 6,58/33.173 tỷ đồng, tỷ trọng ước thực hiện 6 tháng đầu năm 3,11/15.437,330 tỷ đồng), tốc độ tăng trưởng 6 tháng đầu năm đạt 115,33% (vượt 1,51% so với kế hoạch);

+ Ngành 63 hoạt động dịch vụ thông tin (tỷ trọng kế hoạch cả năm 1,15/33.173 tỷ đồng, tỷ trọng ước thực hiện 6 tháng đầu năm 0,56/15.437,330 tỷ đồng), tốc độ tăng trưởng 6 tháng đầu năm 105,94%;

+ Ngành 72 nghiên cứu khoa học và phát triển (tỷ trọng kế hoạch cả năm 36,33/33.173 tỷ đồng, tỷ trọng ước thực hiện 6 tháng đầu năm 14,57/15.437,330 tỷ đồng), tốc độ tăng trưởng 6 tháng đầu năm đạt 108,12%;

+ Ngành 74 Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác (tỷ trọng kế hoạch cả năm 42,92/33.173 tỷ đồng, tỷ trọng ước thực hiện 6 tháng đầu năm 18,45/15.437,33 tỷ đồng), tốc độ tăng trưởng 6 tháng đầu năm đạt 107,11%.

---

[2] Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/04/2025; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026; Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026; Thông báo số 167/TB-VPCP ngày 02/4/2026; Thông báo số 246/TB-VPCP ngày 12/5/2026…

[3] Nhiệm vụ: Xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu khu công nghiệp, cụm công nghiệp; Triển khai một số khu công nghiệp công nghệ số/khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

II. KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

1. Tình hình ban hành và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách quản lý KH, CN, ĐMST&CĐS

Trong thời gian qua, thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tỉnh Điện Biên ban hành nhiều chủ trương, cơ chế, chính sách quan trọng nhằm thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh:

Tỉnh tham mưu ban hành Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 27/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035.

Ban hành đồng bộ nhiều văn bản quan trọng, tiêu biểu như: Quyết định "Phân cấp quản lý nhà nước đối với một số lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Điện Biên"; Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 27/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035; Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Kế hoạch Xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Điện Biên đến năm 2035; Kế hoạch Triển khai thực hiện Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược ưu tiên triển khai ngay theo Quyết định số 2815/QĐ-TTg ngày 28/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ; Danh mục nhu cầu công nghệ tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026 - 2030; Danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số lựa chọn giải quyết trong năm 2026 trên địa bàn tỉnh Điện Biên…

Hiện đang giao cơ quan chuyên môn tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành 02 Nghị quyết: Nghị quyết "Quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên"; Nghị quyết "Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Điện Biên".

Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập và kiện toàn Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh, kiện toàn Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo[4]; Tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06[5]; 100% các cấp, các

---

[4]Quyết định số 287-QĐ/TU ngày 19/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiện toàn Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Điện Biên; Quyết định số 06-QĐ/TU, ngày 14/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Điện Biên; Thông báo số 16-TB/BCĐ, ngày 15/12/2025 của Ban Chỉ đạo tỉnh phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh; Quyết định 08-QĐ/BCĐ, ngày 24/11/2025 kiện toàn Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh; Thông báo số 24-TB/TGV, ngày 04/01/2026 phân công nhiệm vụ các thành viên Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh; Quy chế làm việc số 04-QC/TGV, ngày 28/10/2025 của Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh.

[5] Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 05/6/2026 của UBND tỉnh Về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

ngành, địa phương trong tỉnh đã thành lập các Ban Chỉ đạo/Tổ triển khai.

Cùng với đó, tỉnh tổ chức các cuộc họp của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh theo định kỳ và đột xuất, qua đó đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện; kịp thời đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, tạo chuyển biến tích cực trong hệ thống chính trị và toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

2. Kết quả hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

2.1. Hoạt động khoa học, công nghệ

Năm 2026, trên địa bàn tỉnh triển khai 31 nhiệm vụ KH&CN thuộc 03 chương trình[6]. Trong đó: 19 nhiệm vụ tiếp chi; 12 nhiệm vụ mới; thành lập và tổ chức 12 Hội đồng tư vấn tuyển chọn tổ chức chủ trì, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh năm 2026; thẩm định kinh phí 12 nhiệm vụ. Các nhiệm vụ tập trung hướng tới nghiên cứu, khảo nghiệm, đánh giá khả năng thích nghi của một số cây trồng, vật nuôi mới theo các vùng sinh thái, đáp ứng yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng các công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các khâu sản xuất, chế biến, bảo quản nông sản; nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực y tế, giáo dục.

Công bố Danh mục 04 bài toán lớn về KHCN, ĐMST, CĐS năm 2026 làm cơ sở định hướng tập trung nguồn lực, giải quyết các vấn đề trọng yếu của tỉnh; kết quả thực hiện cụ thể:

(1) Phát triển kinh tế không gian tầm thấp gắn với logistics, nông nghiệp, du lịch, cứu hộ, cứu nạn: Tỉnh đã phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Quốc phòng và các cơ quan Trung ương để hoàn thiện hồ sơ thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox) đối với phương tiện bay không người lái (UAV); cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số phát triển kinh tế tầm thấp ứng dụng phương tiện bay không người lái (UAV) trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Về ứng dụng thực tiễn, tỉnh đã phối hợp với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam khảo sát 12 khu vực thí điểm, tổ chức thành công 03 chuyến bay vận chuyển chè tại xã Sính Phình, 02 chuyến bay phun phân bón cà phê tại xã Mường Ảng; sử dụng UAV T50 gieo hạt, phun thuốc trên cánh đồng lúa 60ha tại xã Thanh Nưa, góp phần giảm lao động thủ công, nâng cao hiệu quả cơ giới hóa; đồng thời ứng dụng Flycam kết hợp công nghệ viễn thám GIS trong tuần tra, bảo vệ rừng. Thời gian tới, tỉnh tiếp tục phối hợp với Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông nghiên cứu, mở rộng các ứng dụng kinh tế tầm thấp sau khi Đề án được phê duyệt.

(2) Trợ lý ảo AI hỗ trợ nông nghiệp, số hóa ngành nông nghiệp: Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường và Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông và các đơn vị liên quan triển khai xây dựng AgriApp,

---

[6] Nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ cấp tỉnh; Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Đề án triển khai Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Trợ lý AI Nông nghiệp tỉnh Điện Biên, nhằm hỗ trợ người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp và cơ quan quản lý trong tra cứu, khai thác thông tin về thổ nhưỡng, khí hậu, dịch bệnh, kỹ thuật canh tác, quy trình GAP, vùng trồng và thị trường nông sản. Đến nay, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã thành lập Tổ giúp việc thực hiện nhiệm vụ; phối hợp với đơn vị tư vấn xây dựng đề cương, nội dung, sản phẩm và dự toán kinh phí; đồng thời cung cấp dữ liệu phục vụ huấn luyện AI, gồm 129 quy trình kỹ thuật trồng một số loại cây trồng chính, bản đồ hiện trạng rừng, bản đồ hiện trạng đất đai, các báo cáo phát triển kinh tế, xã hội và tài liệu chuyên ngành có liên quan. Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông đã xây dựng bản Demo AgriApp và đưa vào chạy thử nghiệm trên nền tảng web, Android tại địa chỉ https://ai-nongnghiep.dienbien.gov.vn/; đến nay có trên 5.000 tài khoản đăng ký và trên 30.000 lượt chat, tương tác thử nghiệm; hiện đang tiếp tục phối hợp huấn luyện chuyên sâu cho trợ lý AI, hoàn thiện kho tài liệu kiến thức GAP, xây dựng phân hệ thông tin thị trường, nghiên cứu mở rộng chức năng giao tiếp bằng hình ảnh; đồng thời gắn nhiệm vụ này với xây dựng cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp, số hóa dữ liệu thực địa, ứng dụng AI trong vùng trồng tập trung và hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số ngành nông nghiệp, nâng cao hiệu quả quản lý, tư vấn sản xuất và hỗ trợ tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh.

(3) Ứng dụng AI tự động sinh ảnh PET từ ảnh CT hỗ trợ chẩn đoán bệnh: Nhiệm vụ "Ứng dụng AI tự động sinh ảnh PET từ ảnh CT hỗ trợ chẩn đoán bệnh" đã được tỉnh tập trung triển khai và đạt những kết quả bước đầu. Sở Y tế đã phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Bệnh viện Đa khoa tỉnh và Trường Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức khảo sát, xây dựng phương án triển khai thí điểm tại cơ sở y tế tuyến tỉnh; đồng thời chỉ đạo Bệnh viện Đa khoa tỉnh chuẩn bị sẵn sàng hạ tầng và các điều kiện liên quan để tiếp nhận chuyển giao giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo tự động sinh ảnh PET từ ảnh CT do Trường Đại học Bách khoa Hà Nội nghiên cứu, phát triển. Về thủ tục triển khai, tỉnh đã tổ chức họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 2026 đối với nhiệm vụ này, làm cơ sở để triển khai các bước tiếp theo theo quy định. Việc ứng dụng giải pháp AI trong chẩn đoán hình ảnh dự kiến sẽ hỗ trợ các bác sĩ nâng cao độ chính xác trong chẩn đoán bệnh, đồng thời giảm chi phí khám chữa bệnh cho người dân, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số ngành y tế trên địa bàn tỉnh.

Đối với nhiệm vụ này, kết quả hiện mới ở giai đoạn nghiên cứu, tuyển chọn và chuẩn bị thí điểm; chưa đủ cơ sở để kết luận về độ chính xác, an toàn, hiệu quả lâm sàng hoặc mức giảm chi phí. Quá trình triển khai phải tuân thủ đầy đủ pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin và đạo đức nghiên cứu; thực hiện kiểm định độc lập, đánh giá rủi ro, nghiệm thu theo bộ tiêu chí chuyên môn và xác định rõ AI chỉ là công cụ hỗ trợ, không thay thế quyết định chuyên môn của bác sĩ.

(4) Phát triển du lịch thông minh: Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì với các đơn vị liên quan triển khai 02 dự án gồm: Xây dựng phòng trải nghiệm khám phá Immersive 360 du lịch tỉnh Điện Biên và Đầu tư hệ thống

thuyết minh tự động tại Di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ và Bảo tàng Chiến thắng Điện Biên Phủ. Đến nay, các Sở, ngành đã hoàn thiện công tác chuẩn bị đầu tư, khảo sát, lựa chọn điểm đến trọng điểm; trình UBND tỉnh phê duyệt chủ trương và kinh phí thực hiện trong tháng 6/2026, làm cơ sở triển khai đầu tư trong thời gian tới, góp phần nâng cao trải nghiệm của du khách, đổi mới phương thức quảng bá và thúc đẩy phát triển du lịch thông minh trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức Chương trình truyền thông, giáo dục khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số "Hành tinh 4.0" (vòng thi Quý), diễn ra từ ngày 18/5 đến 21/5/2026. Chương trình nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Quyết định số 1169/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 17-NQ/TU của Tỉnh ủy Điện Biên về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thu hút 06 đội thi từ các trường THPT trên địa bàn với 06 đề tài ứng dụng trí tuệ nhân tạo, sự cổ vũ của đông đảo học sinh, phụ huynh, khán giả và sự đồng hành của nhiều doanh nghiệp lớn như Tập đoàn FPT, Công ty Cổ phần Tập đoàn OSB, Viettel Điện Biên, Công ty Cổ phần Cà phê Hồng Kỳ Quốc tế.

(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)

2.2. Đổi mới sáng tạo

Thực hiện đăng ký và kết nối thành công Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh Điện Biên vào hệ sinh thái Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NIC). Đến nay, đã có 05 doanh nghiệp tham gia làm việc tại Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh Điện Biên. Kết quả này tạo nền tảng quan trọng để tỉnh tiếp nhận các chương trình hỗ trợ về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, ươm tạo doanh nghiệp và kết nối sâu vào Mạng lưới Đổi mới sáng tạo Việt Nam toàn cầu. Mở hội nghị tập huấn cho 30 Doanh nghiệp trẻ tại tỉnh Điện Biên về đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp. Ký thỏa thuận hợp tác với Phân hiệu Đại học Thái Nguyên về đẩy mạnh triển khai hoạt động đổi mới sáng tạo tại tỉnh Điện Biên. Trại thí nghiệm đã được đưa vào sử dụng, phục vụ các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ như: nghiên cứu bảo tồn nguồn gen, nghiên cứu nuôi cấy nấm và chuẩn bị hạ tầng phục vụ nghiên cứu nông nghiệp công nghệ cao, góp phần từng bước hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh.

Cấp giấy chứng nhận Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ cho 05 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh *(tăng 03 doanh nghiệp so với cùng kỳ năm 2025)*. Hỗ trợ hướng dẫn các doanh nghiệp tham gia đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cơ sở nhu cầu thực tiễn của Doanh nghiệp.

2.3. Sở hữu trí tuệ

Thực hiện hỗ trợ xác lập, quản lý và phát triển 02 sản phẩm chủ lực của tỉnh dưới hình thức bảo hộ chỉ dẫn địa lý (Chè Shan tuyết Tủa Chùa, Cà phê Mường Ảng), 09 sản phẩm đặc sản địa phương trong đó: 05 sản phẩm bảo hộ dưới hình thức nhãn hiệu tập thể (Lạc đỏ Na Son, miến dong Pa Ham, khoai sọ Phì Nhừ, Bí xanh Tìa Dình, dứa quả Na Sang) và 04 sản phẩm bảo hộ dưới hình thức nhãn hiệu chứng nhận (dứa mật Pu Lau, gạo Mường Thanh, Bưởi da xanh Mường Ảng, khoai

sọ tím Tủa Chùa). Hiện toàn tỉnh có 03 đơn đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động đổi mới sáng tạo và bảo hộ tài sản trí tuệ tại địa phương.

2.4. Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Để thực hiện mục tiêu TFP đóng góp vào tăng trưởng GRDP, tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản đề nghị: Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia và Viện Năng suất Việt Nam quan tâm, hỗ trợ địa phương. Trọng tâm là đề nghị hướng dẫn, làm rõ hệ thống chỉ tiêu, tiêu chí cấu thành chỉ số TFP phù hợp với đặc thù điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh miền núi biên giới; đồng thời tư vấn các nhóm giải pháp trọng tâm trong công tác điều hành để giúp tỉnh nhận diện rõ các điểm nghẽn, dư địa tăng trưởng và tạo động lực mạnh mẽ nâng cao tỷ trọng đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế của địa phương; ban hành văn bản đề nghị Viện Năng suất đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu để Sở KH&CN có cơ sở tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành phấn đấu hoàn thành mục tiêu tỷ trọng đóng góp TFP năm 2026;

Phối hợp với Viện Năng suất Việt Nam tổ chức 02 khóa tập huấn "Tổng quan về năng suất các nhân tố tổng hợp, các dạng biểu hiện của năng suất" và "Hướng dẫn phương pháp thu thập xử lý, tính toán và phân tích năng suất các nhân tố, tổng hợp số liệu thống kê tính toán năng suất" trong khuôn khổ nội dung thực hiện thuộc đề tài: "Đánh giá thực trạng đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025 giải pháp giai đoạn 2026-2030" cho 42 học viên tham dự là cán bộ, công chức, viên chức đến từ 18 sở, ngành góp phần nâng cao kiến thức và kỹ năng liên quan đến thu thập xử lý, tính toán và phân tích năng suất các nhân tố tổng hợp cũng như công tác hoạch định, tham mưu chính sách trên địa bàn tỉnh.

Ban hành Kế hoạch số 953/KH-UBND ngày 05/02/2026 về triển khai việc xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Điện Biên năm 2026 và Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Điện Biên năm 2026.

Thực hiện "Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên xây dựng và triển khai áp dụng Chương trình bảo đảm đo lường năm 2026 " theo nhiệm vụ Đề án 996 . Tổ chức hội nghị, hội thảo: Hội nghị tập huấn: "Nhãn điện tử, hộ chiếu số cho sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2026" cho 68 học viên từ các Sở, ngành, các xã, phường trên địa bàn tỉnh; Hội thảo: "Nhãn điện tử, hộ chiếu số cho sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2026 chuyên đề: "Ứng dụng giải pháp số hóa trong lưu mẫu và truy xuất nguồn gốc thực phẩm học đường". Biên tập và phát hành 03 số Bản tin TBT năm 2026.

Phối hợp liên kết với Trung tâm Hỗ trợ đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số tỉnh Sơn La triển khai hoạt động kiểm định và đo thử nghiệm đối với 113 phương tiện đo các loại của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Điện Biên theo quy định

của pháp luật về đo lường. Kết quả kiểm định cho thấy 100% phương tiện đo được kiểm tra đều đạt yêu cầu kỹ thuật, bảo đảm các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Hoạt động này góp phần tăng cường công tác quản lý nhà nước về đo lường, bảo đảm tính chính xác của phương tiện đo trong giao dịch, sản xuất và kinh doanh, qua đó bảo vệ quyền lợi của tổ chức, cá nhân và người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh.

Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và cấp 03 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cho các tổ chức chủ trì nhiệm vụ theo quy định hiện hành. Các tổ chức được cấp giấy chứng nhận gồm: Công ty TNHH Sơn Hạnh Tuần Giáo; Trung tâm Khuyến nông - Giống cây trồng, vật nuôi và Hợp tác xã H'Mông. Việc cấp giấy chứng nhận được thực hiện trên cơ sở kiểm tra, rà soát hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm tính đầy đủ, hợp lệ của các tài liệu liên quan, góp phần hoàn thiện công tác quản lý, lưu trữ và khai thác kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn.

2.5. Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân

Ban hành 02 Kế hoạch: số 3147/KH-UBND ngày 22/4/2026 về việc triển khai thực hiện Đề án "Thông tin, tuyên truyền về phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử phục vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn đến năm 2035" trên địa bàn tỉnh; số 4072/KH-UBND ngày 21/5/2026 kế hoạch Triển khai Chiến lược phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và cấp 09[7] giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế cho 16 thiết bị của 8 cơ sở y tế. Cấp 01 chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn; cấp 01 xác nhận khai báo "Máy phát tia X - Soi kiểm tra an ninh, hàng hoá" cho Chi cục Hải quan khu vực VII (Cửa khẩu Quốc tế Tây Trang).

Tổ chức Hội nghị tập huấn tuyên truyền phổ biến kiến thức về bảo đảm an toàn bức xạ trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2026 với sự tham gia của hơn 80 học viên đến từ các cơ sở bức xạ và UBND các xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2.6. Chuyển đổi số

**** Phát triển hạ tầng số***

- Tiếp tục đầu tư và phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng viễn thông, từng bước khắc phục các điểm mù về kết nối, qua đó tạo dựng cơ sở vững chắc để thúc đẩy toàn diện xã hội số, kinh tế số và chính quyền số:

+ Toàn tỉnh hiện có 1.239 vị trí trạm thông tin di động (BTS). Trong đó: 781 trạm mạng 3G, 1.229 trạm mạng 4G và 242 trạm mạng 5G *(tăng 198 trạm so với*

[7] Giấy phép số 01/GP-SKHCN ngày 30/01/2026 Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Giấy phép số 02/GP-SKHCN ngày 30/01/2026 TTYT Điện Biên Phủ; Giấy phép số 04/GP-SKHCN ngày 11/02/2026 Phòng khám đa khoa Thanh Hải; Giấy phép số 05/GP-SKHCN ngày 11/02/2026 Phòng khám Chuyên khoa Nội tổng hợp Việt Đức; Giấy phép số 06/GP-SKHCN ngày 10/3/2026 Công ty cổ phần Trí Tín Điện Biên (Phòng khám Đa khoa Bình An); Giấy phép số 06/GP-SKHCN ngày 13/3/2026 Công ty cổ phần Trí Tín Điện Biên; Giấy phép số 07/GP-SKHCN ngày 10/4/2026 TTYT Nậm Pồ; Giấy phép số 08/GP-SKHCN ngày 17/4/2026 TTYT Mường Ảng. Giấy phép số 09/GP-SKHCN ngày 09/6/2026 Phòng khám đa khoa 103.

cùng kỳ năm 2025). Sóng 3G và 4G đã bao phủ 100% các khu vực xã, phường và 96,4% các địa bàn có dân cư sinh sống.

+ Tỉnh đã triển khai 740 tuyến cáp quang với tổng chiều dài lên tới 3.580 km; mạng lưới đã bao phủ 100% trung tâm các xã, phường và 90% số thôn/bản trên địa bàn tỉnh.

+ Tỷ lệ người dân tiếp cận điện thoại thông minh, internet cũng như thói quen sử dụng dữ liệu đang ghi nhận đà tăng trưởng tích cực; trong đó, hơn 60% hộ gia đình đã được kết nối Internet và 72% người dân trên địa bàn đang sử dụng mạng.

+ Song song với nỗ lực tối ưu hóa vùng phủ sóng 4G, các đơn vị viễn thông đã đưa mạng 5G vào hoạt động tại một số điểm tập trung đông dân cư và khu vực trung tâm xã, phường. Hạ tầng này hiện đang được tập trung bố trí tại các địa bàn chiến lược về du lịch, dịch vụ, giáo dục và y tế để cung cấp đường truyền tốc độ cao, băng thông rộng, đáp ứng tối đa nhu cầu của người dân, du khách cũng như các cơ sở giáo dục.

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước được duy trì hoạt động ổn định, an toàn, bảo đảm kết nối thông suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, trao đổi văn bản điện tử và triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh[8].

**** Phát triển dữ liệu và chia sẻ dữ liệu dùng chung***

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đã tăng cường phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành Trung ương xây dựng, hoàn thiện và "làm giàu" các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành[9]; đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, chuẩn hóa dữ liệu phục vụ khai thác, sử dụng hiệu quả trong hoạt động quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Duy trì Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) làm nền tảng phục vụ phát triển Chính quyền điện tử và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) để khai thác các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có quy mô, phạm vi từ Trung ương đến địa phương (Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia được đưa vào sử dụng chính thức đạt 62,5%). Trung tâm dữ liệu của tỉnh được triển khai theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây và là nền tảng hạ tầng quản lý tập trung, đồng bộ, thống nhất, an toàn an ninh thông tin, phục vụ hoạt động cho các phần mềm, nền tảng dùng chung của tỉnh. Xây dựng Cổng dữ liệu mở với 22 đơn vị công bố chia sẻ 74 dữ liệu và 14 phần mềm cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành[10], từng

---

[8] Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp I phục vụ kết nối từ tỉnh đến trung ương, kết nối, chia sẻ dữ liệu các nền tảng, ứng dụng và dịch vụ gồm 05 hệ thống: Hội nghị trauyền hình; Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu - LGSP; Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức; Trục liên thông văn bản; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II: 45 kênh truyền cho UBND xã, phường và kênh truyền cho Trung tâm dữ liệu.

[9] CSDL quốc gia về dân cư; CSDL hộ tịch điện tử; CSDL về đăng ký phương tiện; CSDL lý lịch tư pháp; CSDL Giấy phép lái xe; CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp; CSDL quốc gia về Bảo hiểm;…

[10] 02 CSDL văn bản, hồ sơ điện tử (CSDL văn bản điện tử; CSDL hồ sơ điện tử). 02 CSDL tích hợp dùng chung (CSDL danh mục dùng chung; Cổng dữ liệu mở). 09 CSDL chuyên ngành dùng chung (CSDL ngành LĐTBXH "Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý lĩnh vực hộ nghèo, hộ cận nghèo. Sở Nội vụ tiếp nhận Lĩnh vực người có công, lao

bước hình thành hạ tầng dữ liệu số thống nhất, góp phần thúc đẩy đổi mới phương thức quản trị, nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp và tạo động lực cho chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh.

**** Phát triển chính quyền số, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp***

Nhằm triển khai đồng bộ, hiệu quả các hệ thống thông tin quan trọng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính, chuyển đổi số và sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương hai cấp, tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện rà soát, đánh giá, nâng cấp, phát triển các hệ thống thông tin dùng chung (Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, Hệ thống họp trực tuyến, Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc, Hệ thống thư điện tử, Hệ thống thông tin báo cáo, Hệ thống chứng thực điện tử…)[11]. Các Hệ thống đảm bảo kết nối và đồng bộ dữ liệu liên thông giữa các cấp chính quyền, hỗ trợ việc tra cứu, xử lý văn bản và thực hiện thủ tục hành chính thuận lợi, nhanh chóng.

Việc giải quyết thủ tục hành chính gắn với triển khai dịch vụ công trực tuyến tại tỉnh đã đạt được nhiều kết quả nổi bật, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Các địa phương đã bố trí trụ sở, hạ tầng mạng, trang thiết bị phục vụ hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên cơ sở kế thừa cơ sở vật chất của Bộ phận Một cửa trước đây; phân công lãnh đạo phụ trách, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí đủ nhân lực tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm vận hành thông suốt.

+ Thống kê số liệu đến 31/5/2026 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia[12]: tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến đạt 94,81%; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 97,87%; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt 98,63% (bao gồm thông tin, dữ liệu được khai thác từ CSDL quốc gia về dân cư).

+ Triển khai vận hành, nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đúng quy định và phù hợp với điều kiện thực tiễn, kết nối hệ thống với hệ thống chuyên ngành của nhiều bộ, ngành (Khoa học và Công nghệ, Công Thương,

---

động việc làm. Sở Y tế Tiếp nhận lĩnh vực bảo trợ xã hội và trẻ em"; CSDL ngành Xây dựng; CSDL ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn "Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận quản lý, vận hành"; CSDL ngành Giáo dục và Đào tạo; CSDL ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch; CSDL ngành Công thương; CSDL ngành Kế hoạch và Đầu tư "Sở Tài chính tiếp nhận quản lý, vận hành"; CSDL ngành Khoa học và Công nghệ; CSDL ngành Thông tin và Truyền thông "Sở Khoa học và Công nghệ quản lý, vận hành"); CSDL nền địa lý GIS .

[11] Công văn số 852/SKHCN-KĐC ngày 02/6/2025 về việc phối hợp cập nhật thông tin, dữ liệu trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; Công văn số 959/SKHCN-TTCN&NTS ngày 11/6/2025 về việc hướng dẫn thực hiện các hệ thống thông tin dùng chung khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; Công văn số 1080/SKHCN-KĐC ngày 23/6/2026 về việc bảo đảm hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến; triển khai quy hoạch lại hệ thống;...

[12] Cổng Dịch vụ công quốc gia do Văn phòng Chính phủ quản lý, địa chỉ https://vpcp.dichvucong.gov.vn); hiện nay đã thực hiện cắt chuyển dữ liệu sang Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia do Bộ Công an quản lý, địa chỉ https://dichvucong.gov.vn.

Giáo dục, Y tế, Nội vụ, Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp…); phối hợp với Bộ Công an kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia đặt tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia[13].

+ Hỗ trợ các cơ quan, đơn vị rà soát, tái cấu trúc quy trình nhằm bảo đảm 100% TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi tỉnh, cung cấp DVCTT đối với 100% TTHC liên quan đến doanh nghiệp; thực hiện theo cơ chế "Luồng xanh" đối với lĩnh vực thu hút đầu tư một số dự án trọng điểm ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh theo hướng tái cấu trúc toàn diện quy trình xử lý, tinh gọn thành phần hồ sơ và các bước trung gian, rút ngắn tối thiểu 70% thời gian giải quyết so với quy định, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

+ Công bố đầy đủ, kịp thời thủ tục hành chính, tăng cường kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở trên môi trường số; kịp thời chấn chỉnh, xử lý cán bộ, công chức, viên chức yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại giấy tờ, thông tin đã có trên hệ thống, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ.

Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh ban hành Kế hoạch hành động số 12-KH/BCĐ ngày 28/6/2025 triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; tăng cường kiểm tra, giám sát, phối hợp với các cơ quan, đơn vị xử lý kịp thời lỗi phát sinh; từng bước chuẩn hóa quy trình quản lý, vận hành các hệ thống thông tin dùng chung bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí, đáp ứng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Đến nay, 100% cán bộ, công chức được cấp tài khoản thư điện tử công vụ; 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng nền tảng quản lý văn bản liên thông; 100% chế độ báo cáo, nội dung thông tin, dữ liệu của tỉnh được kết nối, cung cấp đầy đủ, kịp thời với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; triển khai giải pháp họp không giấy cho các cuộc họp của Tỉnh ủy, HĐND các cấp; hệ thống hội nghị trực tuyến kết nối từ Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đến 100% xã, phường trên toàn tỉnh;…

Phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ triển khai cấp đầy đủ chứng thư số cho các cơ quan, đơn vị góp phần bảo đảm yêu cầu xác thực, an toàn, bảo mật trong trao đổi, xử lý văn bản điện tử và thực hiện các giao dịch trên môi trường số; Hướng dẫn các cơ quan cấp tỉnh, cấp xã, các ngành quy trình hồ sơ, quản lý chữ ký số, ký số tập trung, hỗ trợ, thực hiện nộp hồ sơ trên hệ thống Dịch vụ công của Ban

---

[13] - Thực hiện rà soát, cấu hình thủ tục hành chính, mã dịch vụ công, thành phần hồ sơ, gán đơn vị xử lý và liên kết điều hướng;

- Cấu hình tài khoản thu phí/lệ phí của các cơ quan, đơn vị;

- Công khai và cấu hình các thủ tục hành chính đặc thù của tỉnh;

- Triển khai hệ thống điều phối (cấp đủ tài khoản, phân quyền, tiếp nhận hồ sơ), hệ thống quản lý thanh toán (đã được C12 cấp tài khoản cho các đơn vị);

- Hệ thống phản ánh kiến nghị (cấp tài khoản, phân quyền, tiếp nhận và xử lý phản ánh);

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban và các lần thử nghiệm cắt chuyển hệ thống; cán bộ tại các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tham gia tập huấn trực tuyến do D01 - Mobifone chủ trì triển khai.

Cơ yếu. Rà soát, đôn đốc các đơn vị thực hiện dịch vụ gia hạn thời gian sử dụng CKS đối với các trường hợp CKS chuẩn bị hết hạn. Trong đó: Tổng số chữ ký số chuyên dùng công vụ toàn tỉnh (USB; SIM PKI; RSSP) đang hoạt động là 22.820 (tổ chức 2.440 chữ ký số; cá nhân 20.380 chữ ký số). Tổng hợp cấp, tiếp nhận, bàn giao sử dụng 358 sản phẩm mật mã (Chữ ký số hai chức năng mã hóa và ký số) làm việc trên hệ thống quản lý văn bản mật (61 tổ chức, 297 cá nhân).

**** Phát triển kinh tế số, doanh nghiệp số, công dân số và xã hội số***

Tỉnh tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận, ứng dụng, đẩy mạnh hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thông qua các chương trình, đề án, nhiệm vụ: Đề án triển khai, áp dụng quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc tỉnh Điện Biên; Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030; Đề án triển khai Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Chương trình phát triển thương mại điện tử tỉnh Điện Biên; Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh[14];… Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất ứng dụng thương mại điện tử, quảng bá sản phẩm; đến nay trên địa bàn tỉnh đã có 147 sản phẩm OCOP còn hiệu lực (trong đó 05 sản phẩm đạt hạng 4 sao và 142 sản phẩm đạt hạng 3 sao) được hỗ trợ cập nhật thông tin đồng bộ lên trang thông tin điện tử chuyên ngành (ocop.dienbien.gov.vn).

Triển khai thực hiện Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh[15]:

+ Tỉnh tiếp tục đẩy mạnh triển khai Hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền cho doanh nghiệp, hộ, cá nhân kinh doanh hoạt động trong các lĩnh vực trực tiếp liên quan đến giao dịch với người tiêu dùng trên địa bàn. Hiện tại đã có 249 doanh nghiệp, hộ, cá nhân kinh doanh đăng ký, triển khai hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền kết nối với cơ quan Thuế, qua đó cho thấy mức độ chuyển đổi số trong khu vực doanh nghiệp đang từng bước được cải thiện.

+ Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số được đẩy mạnh trong các dịch vụ thiết yếu phục vụ người dân và doanh nghiệp như: Triển khai khám chữa bệnh bằng căn cước công dân gắn chíp; triển khai hóa đơn điện tử; thanh toán không dùng tiền mặt đối với đối tượng bảo trợ xã hội đạt 76%; đối tượng người có công với cách mạng đạt 100%; đối tượng nhận chế độ Bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp, lương hưu đạt 98,8%; 100% cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo công

---

[14] Quyết định số 561/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển thương mại điện tử tỉnh Điện Biên năm 2025; Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 02/6/2025 Ban hành Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026-2030; Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 Phê duyệt Kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh năm 2026, giai đoạn 2026 – 2028;...

[15] Kế hoạch số 975/KH-UBND ngày 13/3/2025 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2025; Kế hoạch số 1876/KH-UBND ngày 17/3/2026 triển khai thực hiện phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2026.

lập thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt. Công tác tích hợp thông tin thẻ bảo hiểm y tế và tài khoản an sinh xã hội vào ứng dụng VNeID lần lượt đạt 70,7% và 25,6%; tạo lập được 447.127 hồ sơ Sổ sức khỏe điện tử đáp ứng theo Quyết định số 1332/QĐ-BYT của Bộ Y tế; thu thập được thông tin của 374.826/667.417 người phục vụ việc tạo lập hồ sơ sức khỏe điện tử, đạt 56,16%/tổng dân số toàn tỉnh; triển khai cao điểm cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2 cho công dân từ 6-14 tuổi trên toàn tỉnh, đến nay đã tổ chức thu nhận được 91.028/118.374 tài khoản, đạt 81,4%; hỗ trợ, hướng dẫn kích hoạt tài khoản định danh điện tử cho 58.541/91.028 hồ sơ được phê duyệt, đạt 64,3%.

+ 100% cơ sở giáo dục tiểu học, THCS, THPT, GDNN-GDTX triển khai học bạ số thay thế học bạ giấy, bảo đảm đồng bộ, thống nhất theo quy định. Triển khai khám liên thông dữ liệu khám sức khỏe lái xe, giấy chứng sinh và giấy báo tử tại 14/14 các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện trên địa bàn. Kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm với 141/141 cơ sở khám chữa bệnh bảo hiểm y tế toàn tỉnh để tiếp nhận dữ liệu đề nghị thanh toán chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế.

Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất tiếp cận, ứng dụng, đẩy mạnh hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thông qua các chương trình, đề án, nhiệm vụ[16]. Tổ chức Hội nghị tập huấn về "Nhãn điện tử, hộ chiếu số cho sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2026", khóa tập huấn có sự tham gia của 68 học viên, bao gồm cán bộ các sở, ngành, địa phương cùng đại diện các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và các chủ thể OCOP trên địa bàn tỉnh; hoạt động giúp cập nhật quy định về nhãn điện tử, hộ chiếu số và hướng dẫn doanh nghiệp số hóa quy trình, ứng dụng truy xuất nguồn gốc, qua đó minh bạch thông tin, bảo vệ thương hiệu và nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP của tỉnh trước các rào cản thương mại.

Tổ chức Hội thảo xúc tiến thương mại, đầu tư, quảng bá sản phẩm công nghệ số "Make in Viet Nam" thúc đẩy phát triển kinh tế số và chuyển đổi số cho doanh nghiệp khu vực Tây Bắc; Hội thảo về hạ tầng số và trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực Y tế nhằm kết nối doanh nghiệp của tỉnh với các trường, vụ, viện nhằm trao đổi giải đáp những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, ứng dụng công nghệ vào đời sống sản xuất kinh doanh.

Nghiên cứu, triển khai thí điểm Trợ lý ảo (Chatbot) Y tế ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) quản lý tài liệu và hỗ trợ khám, chữa bệnh thông minh. Hệ thống vừa cung cấp kênh tư vấn sức khỏe 24/7 an toàn cho người dân dựa trên phác đồ chuẩn (không khuyến khích tự ý dùng thuốc), vừa là công cụ đắc lực hỗ trợ y, bác sĩ tra cứu nhanh tài liệu chính thống, phân loại ban đầu và xử trí cấp cứu. Với tính năng đột phá tự động cập nhật kiến thức và trích dẫn minh bạch kèm liên kết đến từng tài liệu gốc.

Hướng dẫn thành lập và duy trì hoạt động hiệu quả của các "Tổ công nghệ số cộng đồng" tại các xã, phường, thôn, bản để thực hiện "cầm tay chỉ việc", hỗ

[16] Đề án triển khai, áp dụng quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc tỉnh Điện Biên; Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030; Đề án triển khai Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;...

trợ, giải đáp vướng mắc kịp thời cho cán bộ và người dân tại cơ sở[17]; triển khai các mô hình, phong trào lan tỏa kỹ năng số cho cộng đồng[18].

2.7. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng và chủ quyền số

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thành lập Tiểu ban An ninh mạng của tỉnh, ban hành Kế hoạch số 44-KH/TU ngày 29/3/2026 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 57-CT/TW ngày 31/12/2025 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị.

Duy trì mô hình bảo đảm an toàn thông tin 4 lớp, kết nối Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng Quốc gia; vận hành đồng bộ các hệ thống SIEM, SOAR, lưu trữ và tường lửa thế hệ mới (NG-Firewall/IPS); Bộ Công an (C12) đã hoàn thành lắp đặt hệ thống giám sát Agent Node tại Trung tâm Dữ liệu tỉnh. Tại lớp thiết bị đầu cuối: bàn giao, cài đặt 6.774 license bảo mật Endpoint và EDR (thời hạn 03 năm) cho 152 cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường; 100% máy tính chuyên môn của nhiều xã, phường được cài phần mềm phòng, chống mã độc tập trung Bkav Endpoint; khối lực lượng vũ trang duy trì phần mềm diệt virus bản quyền của Bộ Quốc phòng (MiAV, TA-21).

Hoàn thành phê duyệt cấp độ 3 đối với 03/03 hệ thống trọng yếu (Quản lý văn bản và điều hành; Giải quyết thủ tục hành chính công; IOC); thẩm định, phê duyệt 32 hồ sơ đề xuất cấp độ; tiếp tục đôn đốc các đơn vị còn lại, phấn đấu 100% hệ thống được phê duyệt cấp độ theo quy định.

Rà quét, phát hiện và yêu cầu khắc phục lỗ hổng bảo mật tại 29 đơn vị, ban hành 29 công văn chấn chỉnh; thiết lập kênh điều phối ứng cứu sự cố với A05 - Bộ Công an; thành lập Tổ Ứng cứu sự cố mạng kết nối với cán bộ công nghệ thông tin các cơ quan, địa phương. Hoàn thành khảo sát hiện trạng toàn hệ thống chính trị phục vụ xây dựng Dự án "Trung tâm an ninh mạng tỉnh Điện Biên", đang dự thảo đề xuất chủ trương đầu tư trình Bộ Công an phê duyệt.

2.8. Về hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực KH, CN, ĐMST & CĐS

Tỉnh tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác chiến lược với các tổ chức, doanh nghiệp và đối tác trong nước, quốc tế nhằm thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh: trao đổi các nội dung hợp tác trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2031 với thành phố Vysoké Tatry, Cộng hòa Slovakia (ký ngày 13/4/2026 tại trụ sở Chính phủ); ký Biên bản ghi nhớ (MOU) với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NIC), Bizcare và thiết lập quan hệ hợp tác chiến lược với một số tập đoàn công nghệ lớn như CT Group, Viettel nhằm hỗ trợ tư vấn chuyển đổi số, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và thúc đẩy ứng dụng công nghệ

---

[17] Công văn số 1383/SKHCN-KĐC ngày 16/7/2025 về việc thành lập, kiện toàn các Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương; Kế hoạch số 236/KH-SKHCN ngày 21/01/2026 hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh năm 2026.

[18] UBND một số xã, phường trên địa bàn tỉnh đã phát huy vai trò Tổ Công nghệ số cộng đồng chủ động tổ chức các chiến dịch "Đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người kỹ năng số, sử dụng các dịch vụ số"; lồng ghép nội dung tập huấn kỹ năng số cộng đồng cho các hộ dân trong các buổi sinh hoạt bản; triển khai phong trào "Bình dân học vụ số" và ký cam kết thực hiện phong trào, góp phần lan tỏa tinh thần chuyển đổi số sâu rộng trong cộng đồng dân cư.

vào quản lý, điều hành của địa phương.

Trong lĩnh vực giáo dục, Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo cùng các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai nhiều hoạt động thúc đẩy ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong dạy và học. Thông qua sự phối hợp với Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Hà Nội, chương trình tập huấn ứng dụng AI và công nghệ số trong giảng dạy tiếng Anh đã được tổ chức cho giáo viên trên địa bàn tỉnh; Phối hợp với STEAM for Vietnam và Google for Education triển khai các hoạt động phổ cập AI, xây dựng thư viện công nghệ STEM Hub tại Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú THPT tỉnh, tổ chức các cuộc thi Robotics và sáng tạo AI dành cho giáo viên, học sinh, góp phần nâng cao kỹ năng số và thúc đẩy phong trào đổi mới sáng tạo trong trường học.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu triển khai hợp tác với Công ty Niinuma Tomofarm (Nhật Bản) thực hiện Dự án thực nghiệm xây dựng mô hình quản lý nông nghiệp thông minh trên địa bàn tỉnh. Đến nay, các hạng mục nhà màng nông nghiệp thông minh tại xã Thanh Yên cơ bản hoàn thành; hệ thống phần mềm theo dõi, giám sát chế độ chăm sóc, tưới tiêu và điều khiển nhiệt độ tự động đã được đưa vào vận hành, bước đầu góp phần ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp, nâng cao hiệu quả quản lý và năng suất sản xuất.

Về thúc đẩy các mô hình hợp tác Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, đô thị thông minh: tỉnh ban hành danh mục nhu cầu công nghệ của tỉnh giai đoạn đến năm 2030. Tổ chức kết nối với viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp công nghệ để chuyển giao, làm chủ công nghệ; thúc đẩy mô hình hợp tác "3 nhà" thông qua việc ký kết thỏa thuận với Đại học Bách Khoa Hà Nội cùng các tập đoàn công nghệ lớn (Tập đoàn Bưu chính Viễn thông (VNPT), Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel); Tập đoàn FPT), Công ty Cổ phần Tập đoàn OSB,... trọng tâm là phối hợp nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào các lĩnh vực mũi nhọn của địa phương.

Ngày 11/5/2026, UBND tỉnh Điện Biên tổ chức Hội nghị Xúc tiến đầu tư năm 2026 với chủ đề "Điện Biên - Điểm đến chiến lược cho đầu tư", trong đó lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được xác định là một trong những trọng tâm thu hút đầu tư. Tại Hội nghị, tỉnh đã ký kết biên bản hợp tác với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NIC), Tổ chức Steam for Vietnam và Tập đoàn CT Group; đồng thời tiếp tục mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp, tập đoàn công nghệ lớn như Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam về phát triển hạ tầng bưu chính, chuyển đổi số, thương mại điện tử, chi trả an sinh xã hội, cải cách hành chính và nghiên cứu phát triển kinh tế không gian tầm thấp giai đoạn 2026-2030; hợp tác với Tập đoàn FPT trong tư vấn chuyển đổi số, chiến lược dữ liệu và đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy phát triển hệ sinh thái số và nâng cao năng lực chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

3. Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, phát triển tiềm lực KH, CN, ĐMST&CĐS

3.1. Về công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức mới của Sở Khoa học và Công nghệ theo Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 03/3/2026. Hoàn thành công tác sắp xếp, tinh gọn các tổ chức hành chính và đưa các đơn vị sự nghiệp trực thuộc đi vào hoạt động ổn định theo mô hình quản lý đa ngành, đa lĩnh vực.

Thực hiện định hướng tại Văn bản số 7106/BKHCN-TCCB ngày 27/11/2025 của Bộ KH&CN, tỉnh đã tổ chức lại và đưa vào vận hành 02 đơn vị sự nghiệp kể từ ngày 15/01/2026 nhằm tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, bao gồm:

+ Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh Điện Biên *(thành lập theo Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 15/01/2026)*;

+ Trung tâm Khoa học tỉnh Điện Biên *(thành lập theo Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 15/01/2026)*.

Bên cạnh những kết quả bước đầu, để triển khai kịp thời Chương trình hành động của Chính phủ tại Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 08/4/2026 *(thực hiện Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới)*, giao Sở KH&CN tham mưu UBND tỉnh xem xét, cho chủ trương xây dựng Đề án hợp nhất 02 đơn vị sự nghiệp nêu trên thành 01 đơn vị sự nghiệp công lập duy nhất trực thuộc Sở, dự kiến thực hiện trong Quý III năm 2026. Phương án này nhằm giảm thiểu tối đa đầu mối trung gian, tập trung toàn bộ 43 biên chế sự nghiệp về một cơ cấu quản lý thống nhất, tạo điều kiện tối ưu hóa đội ngũ nhân lực chuyên môn sâu và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động toàn diện.

3.2. Về phát triển đội ngũ nhân lực KH, CN, ĐMST&CĐS

Việc bố trí nhân lực công nghệ thông tin và chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị tiếp tục được quan tâm triển khai; từng bước kiện toàn đội ngũ cán bộ chuyên môn phụ trách tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Các cơ quan, đơn vị đã rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và bố trí nhân lực theo vị trí việc làm, phù hợp với trình độ chuyên môn, phát huy năng lực, kinh nghiệm và nâng cao hiệu quả thực thi nhiệm vụ. Tỉnh tiếp tục thực hiện chủ trương biệt phái, tăng cường cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh hỗ trợ các xã, phường thiếu công chức chuyên môn, trong đó có lĩnh vực công nghệ thông tin và chuyển đổi số, góp phần bảo đảm hoạt động quản lý, điều hành tại cơ sở thông suốt, hiệu quả.

Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh đã cử cán bộ tham gia chương trình Nhân tài Số do Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NIC) và Tập đoàn Google tổ chức; Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp tổ chức các khóa tập huấn chuyên sâu về đo lường năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) cho 42 học viên từ 18 sở, ngành. Đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, cán bộ chuyên trách CNTT, An toàn thông tin mạng thường xuyên được quan tâm cử tham gia các lớp bồi dưỡng, đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn do Bộ, tỉnh tổ chức bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc thông qua các nền tảng học trực tuyến mở đại trà để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số, kỹ năng xử lý nghiệp vụ hành chính, tư duy đổi mới sáng tạo cho cán bộ, công chức, viên chức, đầu mối tổ công nghệ số cộng đồng. Nội dung đào tạo gắn với yêu cầu thực thi công vụ trên môi trường số; hình thức tổ chức kết hợp trực tiếp và trực tuyến, khai thác nền tảng "Bình dân học vụ số", bảo đảm linh hoạt, hiệu quả, tiết kiệm chi phí[19]. Duy trì hướng dẫn, hỗ trợ vận hành, khai thác các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh.

Bên cạnh đó, tỉnh giao cơ quan chuyên môn tổ chức triển khai các hội nghị tập huấn nâng cao năng lực Trí tuệ nhân tạo (AI) cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh:

+ Từ tháng 3 đến tháng 5/2026, đã tổ chức Hội nghị tập huấn ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)[20] bằng hình thức trực tiếp tại tỉnh và cho 100% xã, phường với hơn 3.000 học viên là cán bộ, công chức cấp xã, lực lượng chuyên trách chuyển đổi số và thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng. Các học viên đã được trang bị kiến thức cơ bản về AI, xu hướng ứng dụng trợ lý ảo trong quản lý, điều hành hành chính công; đồng thời được quán triệt các quy định trọng tâm của Luật Trí tuệ nhân tạo (Luật số 134/2025/QH15) để đảm bảo tính tuân thủ, đạo đức công vụ và bảo vệ dữ liệu cá nhân khi khai thác công cụ AI.

+ Làm việc với Tổ chức STEAM for Vietnam (đối tác chính thức của Google) để thống nhất triển khai chương trình "Phổ cập năng lực AI" giai đoạn 2. Chương trình nhằm đưa Điện Biên trở thành tỉnh tiên phong của Google tại Việt Nam, với mục tiêu mở rộng đào tạo ứng dụng trí tuệ nhân tạo (Gemini Academy) cho nhóm đối tượng trọng điểm là giáo viên. Tỉnh sẽ được tiếp cận gói hỗ trợ nền tảng Google for Education miễn phí và cơ hội nhận chứng chỉ chính thức từ Google.

3.3. Về tình hình thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính theo quy định của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và các văn bản liên quan

Hiện nay, tỉnh có 02 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

Đầu năm 2026, tỉnh đã thực hiện tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập, theo đó Trung tâm Khoa học và Đổi mới sáng tạo được tổ chức lại thành Trung tâm Khoa học tỉnh Điện Biên; Trung tâm Công nghệ nền tảng số được tổ chức lại thành Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh Điện Biên. Đến nay, các đơn vị đang trong quá trình xây dựng lại phương án tự chủ tài chính gửi cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong thời gian chưa được phê duyệt mức độ tự chủ mới, việc tổ chức thực

[19] Tập huấn về nghiệp vụ tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; nghiệp vụ xử lý văn bản, ký số điện tử trên Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành (TDEoffice); tập huấn thực hiện niêm yết, công khai thủ tục hành chính và thực hiện quy trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; tập huấn về chữ ký số chuyên dùng công vụ;….

[20] Kế hoạch số 865/KH-SKHCN ngày 17/3/2026 Tổ chức Hội nghị tập huấn về ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) năm 2026; Kế hoạch số 1886/KH-SKHCN ngày 15/5/2026 Tổ chức Hội nghị tập huấn về ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) năm 2026 đối với các xã, phường trên địa bàn tỉnh;…

hiện cơ chế tự chủ tài chính cơ bản được kế thừa theo mức độ tự chủ của các đơn vị tiền thân; theo đó, Trung tâm Khoa học tỉnh Điện Biên thực hiện theo mức tự chủ của đơn vị sự nghiệp công do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4), Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh Điện Biên thực hiện theo mức tự chủ của đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm một phần chi thường xuyên (nhóm 3).

Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở đã xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng phù hợp với tình hình thực tế của từng đơn vị, bảo đảm nguyên tắc công khai, dân chủ, có sự tham gia thảo luận và thống nhất của viên chức, người lao động trước khi ban hành. Việc quản lý, sử dụng kinh phí thường xuyên được thực hiện đúng quy định của nhà nước, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị.

Tuy nhiên, nguồn kinh phí hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện vẫn chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách nhà nước. Mặc dù định mức phân bổ chi thường xuyên theo biên chế đã được điều chỉnh tăng so với các năm trước, song vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nhất là trong bối cảnh khối lượng công việc ngày càng tăng và yêu cầu nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÂN BỔ, GIẢI NGÂN NSNN CHO KH, CN, ĐMST&CĐS

1. Chi thường xuyên

1.1. Ngân sách Trung ương

- Kinh phí NSTW đã giao bổ sung cho tỉnh năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026 để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW[21]: 3,002 tỷ đồng. Thực hiện và giải ngân 6 tháng đầu năm 2026 đạt 2,766 tỷ đồng (đạt 92%), ước thực hiện năm 2026: 3,002 tỷ đồng (100%).

- Kinh phí NSTW giao bổ sung cho tỉnh năm 2026 để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW[22]: 83,070 tỷ đồng. Trong đó:

+ Kinh phí đã phân bổ: 1,905 tỷ đồng. Thực hiện và giải ngân 6 tháng đầu năm 2026: 0 đồng, ước thực hiện năm 2026: 1,905 tỷ đồng (đạt 100%).

+ Kinh phí chưa phân bổ: 81,165 tỷ đồng. Hiện tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành rà soát, đánh giá, triển khai thực hiện các quy trình, thủ tục bảo đảm đúng với hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và quy định của pháp luật hiện hành, tổng hợp, tham mưu trình UBND tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh xem xét, quyết định phân bổ dự toán kinh phí.

1.2. Ngân sách địa phương

- Kinh phí KH, CN, ĐMST&CĐS năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026: 11,165 tỷ đồng (gồm chi khoa học và công nghệ 9,891 tỷ đồng, chi chuyển đổi số

---

[21] Quyết định số 2246/QĐ-TTg ngày 13/10/2025

[22] Quyết định số 472/QĐ-TTg ngày 25/3/2026; Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 20/5/2026.

1,265 tỷ đồng). Thực hiện và giải ngân 6 tháng đầu năm 2026 đạt 5,917 tỷ đồng, tương ứng khoảng 53,0%; ước thực hiện cả năm 2026 đạt 11,165 tỷ đồng.

- Năm 2026, tỉnh bố trí tổng kinh phí cho KHCN, ĐMST và CĐS là 356,146 tỷ đồng. Trong đó:

+ Kinh phí đã phân bổ cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là 181,424 tỷ đồng.

+ Kinh phí giải ngân đến thời điểm báo cáo: 51,740 tỷ đồng (đạt tỷ lệ 28,5% so với kinh phí đã phân bổ, 14,5% so với tổng kinh phí chi KH, CN, ĐMST&CĐS).

- Đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ tổng số có 25 nhiệm vụ chuyển tiếp, tổng kinh phí phê duyệt 60,562 tỷ đồng, tổng kinh phí đã bố trí đến hết năm 2026: 15,629 tỷ đồng; kinh phí còn lại 44,934 tỷ đồng.

- Đối với các nhiệm vụ chuyển đổi số, có 14 nhiệm vụ chuyển tiếp, tổng kinh phí phê duyệt 72,376 tỷ đồng, tổng kinh phí đã bố trí đến hết năm 2026 18,235 tỷ đồng, kinh phí còn lại 54,141 tỷ đồng.

2. Chi đầu tư

2.1. Tình hình giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2026

Tổng vốn đầu tư công được sử dụng năm 2026 là 9,547 tỷ đồng. Trong đó: vốn kế hoạch năm 2026 là 8,96 tỷ đồng, vốn năm 2025 chuyển nguồn sang 2026: 0,587 tỷ đồng. Bao gồm:

- Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN: 0,587 tỷ đồng vốn năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026.

- Vốn ngân sách địa phương 8,96 tỷ đồng.

+ Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 7,878 tỷ đồng.

+ Vốn xổ số kiến thiết phân theo ngành lĩnh vực: 1,082 tỷ đồng.

2.2. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2026 theo từng nguồn vốn

Giải ngân 6 tháng đầu năm 2026: 1,01 tỷ đồng từ kế hoạch vốn xổ số kiến thiết, đạt 10,58% tổng kế hoạch vốn năm 2026 được giao, đạt 93,4% so với vốn thực tế đã được phân bổ (vì vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo chưa thu được vốn tập trung về ngân sách để sử dụng).

Phấn đấu giải ngân cả năm 8,96 tỷ đồng (đã đề nghị điều chỉnh giảm 0,587 tỷ đồng kế hoạch vốn kéo dài do không còn nhu cầu sử dụng), đạt 100% vốn kế hoạch năm 2026 sau điều chỉnh. Khả năng hoàn thành phụ thuộc trực tiếp vào tiến độ thu nguồn sử dụng đất, việc giao vốn thực tế và tiến độ hoàn thiện thủ tục, nghiệm thu khối lượng của từng dự án, gồm:

- Vốn ngân sách địa phương:

+ Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 7,878 tỷ đồng.

+ Vốn xổ số kiến thiết: 1,082 tỷ đồng.

3. Đánh giá

- Ưu điểm: Công tác tham mưu bố trí, huy động nguồn lực cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được quan tâm; tỉnh đã chủ động đăng ký, tiếp nhận nguồn ngân sách trung ương thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW. Việc tổng hợp nguồn lực được thực hiện theo định hướng dành tối thiểu 3% tổng chi ngân sách nhà nước cho các lĩnh vực này. Tuy nhiên, tỷ lệ 3% cần tiếp tục được chuẩn hóa về mẫu số, phạm vi khoản chi, nguồn vốn và nguyên tắc không tính trùng giữa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển.

- Tồn tại, hạn chế: Tỷ lệ giải ngân đối với một số nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong 6 tháng đầu năm còn thấp; việc nghiên cứu, triển khai các cơ chế tài chính hỗ trợ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn trong giai đoạn đánh giá, hoàn thiện.

- Nguyên nhân và trách nhiệm:

+ Vốn đầu tư công: Các dự án đã có khối lượng thực hiện tuy nhiên do dự án được phân bổ kế hoạch vốn tại Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 của UBND tỉnh từ nguồn thu sử dụng đất nhưng chưa có vốn kế hoạch để giải ngân (vì vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo chưa thu được vốn tập trung về ngân sách để sử dụng).

+ Chi thường xuyên: Tỷ lệ giải ngân 6 tháng đầu năm còn thấp do những tháng đầu năm tập trung lập, ban hành kế hoạch thực hiện; triển khai lập báo cáo đề xuất chủ trương và dự kiến kinh phí để tổng hợp, trình giao dự toán thực hiện (giải ngân chủ yếu vào quý IV, sau khi hoàn thiện thủ tục, thực hiện dự án và có khối lượng hoàn thành). Một số dự án đã lựa chọn được nhà thầu, triển khai thực hiện các phần công việc tiếp theo nhưng chưa có khối lượng để thực hiện thanh toán. Mặt khác, các quy định về việc lập dự toán, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị, về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được ban hành thay thế quy định mới nên ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện (Nghị định 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 thay thế Nghị định 98/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định 45/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 thay thế Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 về quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước).

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được nổi bật

Công tác phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tiếp tục được Tỉnh ủy, UBND tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ, qua đó từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện. Các cơ quan đã chủ động phối

hợp chặt chẽ để tham mưu Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh triển khai các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo Chính phủ, hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương, bảo đảm sát thực tiễn và đúng quy định.

Chủ động, tích cực rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; kịp thời ban hành, sửa đổi, bổ sung các văn bản thuộc thẩm quyền, từng bước hoàn thiện hành lang pháp lý phục vụ triển khai khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

Hạ tầng viễn thông, hạ tầng số tiếp tục được quan tâm đầu tư, từng bước mở rộng vùng phủ sóng và nâng cao chất lượng kết nối Internet, 100% trung tâm xã có cáp quang; 100% xã, phường phủ sóng 3G, 4G; bước đầu phát triển 5G tại một số khu vực trọng điểm. Các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh được duy trì vận hành cơ bản ổn định; việc cấp, quản lý và sử dụng chứng thư số được triển khai tương đối đầy đủ, góp phần nâng cao hiệu quả xử lý văn bản điện tử và bảo đảm an toàn thông tin.

Công tác tham mưu triển khai dịch vụ công trực tuyến được thực hiện thống nhất, đồng bộ; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh được duy trì vận hành ổn định. Quy trình giải quyết thủ tục hành chính tiếp tục được chuẩn hóa; Công tác rà soát, hỗ trợ triển khai thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính được thực hiện kịp thời, đúng quy định.

Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và tư duy đổi mới sáng tạo được tổ chức linh hoạt, từng bước nâng cao năng lực số cho cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng Tổ Công nghệ số cộng đồng. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các dịch vụ thiết yếu phục vụ người dân và doanh nghiệp tiếp tục được đẩy mạnh.

Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ từng bước gắn với các vấn đề trọng tâm của địa phương, nhất là nông nghiệp, y tế, giáo dục và quản trị công. Tỉnh đã mở rộng hợp tác với viện nghiên cứu, trường đại học, tập đoàn và doanh nghiệp công nghệ; hình thành một số nền tảng, mô hình thử nghiệm về AI, UAV, du lịch thông minh, dữ liệu dùng chung và hỗ trợ khởi nghiệp. Các kết quả này mới chủ yếu tạo nền tảng, kiểm chứng mô hình và nâng cao năng lực tổ chức thực hiện; cần tiếp tục đo lường mức độ sử dụng, chất lượng dịch vụ, chi phí - lợi ích, khả năng nhân rộng và tác động thực tế trước khi khẳng định đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng GRDP hoặc TFP.

2. Những hạn chế, tồn tại; khó khăn, vướng mắc

Hạ tầng viễn thông, Internet tại một số khu vực vùng sâu, vùng xa, biên giới còn chưa đồng bộ; chất lượng kết nối tại một số địa bàn chưa ổn định.

Theo rà soát chuyên ngành, toàn tỉnh còn 52 bản chưa có sóng thông tin di động, 255 bản chưa có băng rộng cố định và khoảng 4% hộ gia đình chưa được sử dụng điện lưới. Đây là điểm nghẽn trực tiếp đối với mục tiêu phủ sóng, phát triển dịch vụ công trực tuyến, giáo dục số, y tế số và thu hẹp khoảng cách số; đồng thời

làm cho tiến độ phụ thuộc lớn vào kế hoạch đầu tư của các tập đoàn viễn thông và tiến độ phát triển lưới điện.

Hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung và cơ sở dữ liệu ngành của tỉnh đang trong quá trình hoàn thiện, chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong một số lĩnh vực còn chưa đồng bộ, dữ liệu còn phân tán. Số lượng dữ liệu mở được cung cấp chưa nhiều.

Việc tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trực tuyến, nhất là dịch vụ công trực tuyến toàn trình, của người dân tại khu vực vùng sâu, vùng xa còn hạn chế. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu và tái sử dụng thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính hiệu quả chưa cao.

Cán bộ chuyên trách chuyển đổi số tại cơ sở còn thiếu. Việc ứng dụng chuyển đổi số tại một số doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất còn chậm; hiệu quả hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng tại một số địa bàn chưa đồng đều.

Số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn còn ít, quy mô nhỏ; năng lực nghiên cứu, chuyển giao, làm chủ và thương mại hóa công nghệ còn hạn chế. Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và mô hình hợp tác "3 nhà" mới ở giai đoạn đầu, hiệu quả liên kết chưa cao. Việc thu hút nguồn lực xã hội đầu tư cho nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo còn khó khăn.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

3.1. Nguyên nhân khách quan

Do hệ thống cơ chế, chính sách của Trung ương trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang tiếp tục được hoàn thiện nên địa phương phải thường xuyên cập nhật để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ tham mưu trong một số lĩnh vực chuyên sâu còn mỏng, khối lượng công việc lớn.

Tiến độ triển khai, xây dựng các Cơ sở dữ liệu, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung từ trung ương đến địa phương còn chậm.

Do điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn khó khăn, địa bàn rộng, dân cư phân tán; một số khu vực chưa có điện lưới quốc gia.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

Điều kiện hạ tầng kỹ thuật, viễn thông tại một số khu vực còn khó khăn; kỹ năng số và khả năng tiếp cận công nghệ của một bộ phận người dân chưa đáp ứng yêu cầu.

Hạ tầng dữ liệu, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đang trong quá trình hoàn thiện; nhân lực công nghệ thông tin còn hạn chế.

Tỷ lệ người dân có thiết bị máy tính, máy tính bảng, điện thoại thông minh, tỷ lệ hộ gia đình kết nối internet, tỷ lệ thiết bị bảo đảm kết nối, sử dụng các nền tảng số còn thấp.

Trên cơ sở kết quả đạt được, tỉnh Điện Biên đã hình thành một số nền tảng và mô hình thử nghiệm để thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và

chuyển đổi số. Giai đoạn tới cần tập trung vào các trụ cột có lợi thế và nhu cầu rõ ràng như kinh tế không gian tầm thấp, AI ứng dụng trong nông nghiệp và y tế, dữ liệu dùng chung, chính quyền số và hạ tầng số vùng khó khăn; đồng thời chuyển trọng tâm từ "xây dựng, thí điểm" sang "vận hành, sử dụng, đo lường hiệu quả và nhân rộng có điều kiện". Chỉ khẳng định tác động đến tăng trưởng kinh tế - xã hội khi có số liệu đo lường theo phương pháp thống nhất, có đối chứng và được cơ quan chuyên môn xác nhận.

V. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo phải được thực hiện quyết liệt, thống nhất và xuyên suốt; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Việc xây dựng cơ chế, chính sách cần bám sát thực tiễn địa phương, phù hợp điều kiện của tỉnh miền núi, biên giới; đồng thời tăng cường phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương nhằm bảo đảm triển khai đồng bộ, hiệu quả.

Cần ưu tiên đầu tư hạ tầng số, hạ tầng viễn thông và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh huy động, lồng ghép các nguồn lực và tăng cường xã hội hóa để đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ cập kỹ năng số phải được thực hiện thường xuyên, phù hợp với đặc điểm dân cư, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm trong triển khai chuyển đổi số.

Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ cần gắn với nhu cầu thực tiễn, phục vụ trực tiếp phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân và bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

PHẦN THỨ HAI

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KH, CN, ĐMST&CĐS NĂM 2027

I. BỐI CẢNH KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2027

Năm 2027 tình hình quốc tế dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng, cùng với rủi ro suy giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu, biến động thị trường tài chính, năng lượng và chuỗi cung ứng. Biến đổi khí hậu, thiên tai cực đoan và các thách thức an ninh phi truyền thống tiếp tục tác động sâu rộng đến phát triển bền vững. Trong nước, Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030, trong đó khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được xác định là động lực chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững.

Đối với tỉnh Điện Biên, năm 2027 dự báo có nhiều thuận lợi từ việc tiếp tục hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh đầu tư hạ tầng, phát triển kinh tế số, xã hội số và các chương trình mục tiêu quốc gia, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và thu hẹp khoảng cách vùng miền. Tuy nhiên, tỉnh vẫn đối mặt với nhiều khó

khăn như xuất phát điểm kinh tế thấp, hạ tầng chưa đồng bộ, năng lực cạnh tranh và chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế, cùng với tác động ngày càng rõ nét của thiên tai, biến đổi khí hậu và yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực biên giới.

Những yếu tố trên vừa tạo ra cơ hội để thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, vừa đặt ra áp lực lớn trong việc bảo đảm tiến độ và chất lượng thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2027 của tỉnh. Do đó, cần có sự chủ động trong điều hành, giải pháp linh hoạt, đồng bộ và tăng cường huy động nguồn lực để tận dụng thời cơ, khắc phục khó khăn, bảo đảm mục tiêu phát triển đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành nền tảng và động lực chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển hiện đại, đồng bộ; nhân lực chất lượng cao được tăng cường; hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo được thúc đẩy.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tỷ lệ đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP đạt 40%.

Chỉ tiêu TFP phải được xác định theo phương pháp thống kê thống nhất, có số liệu đầu vào được cơ quan thống kê và cơ quan chuyên môn thẩm tra; không quy trực tiếp mọi kết quả của các nhiệm vụ khoa học, công nghệ hoặc chuyển đổi số thành đóng góp TFP khi chưa lượng hóa được quan hệ nhân quả.

- Tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt tối thiểu 3% tổng chi ngân sách.

Việc xác định tỷ lệ tối thiểu 3% phải làm rõ tổng chi ngân sách dùng làm mẫu số; các khoản chi được tính vào tử số; phạm vi ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn đầu tư, chi thường xuyên và kinh phí lồng ghép; đồng thời loại trừ khoản trùng lặp giữa các lĩnh vực và giữa các nguồn vốn.

- Triển khai 31 nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo (bao gồm cả nhiệm vụ tiếp chi) trong đó trên 60% nhiệm vụ phục vụ trực tiếp phát triển nông nghiệp bền vững, du lịch xanh, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng dụng AI, công nghệ mới.

- Có tối thiểu 02 doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, 07 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Có 07 nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm/dịch vụ chủ lực, đặc trưng gắn với phát triển xanh và kinh tế tuần hoàn.

- Có 08 đơn đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích; thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, hình thành thị trường khoa học và công nghệ của tỉnh.

- Hình thành các mô hình thí điểm kinh tế không gian tầm thấp.

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đạt 19%.

- Tỷ lệ khu vực có dân cư sinh sống, làm việc được phủ sóng thông tin di động 4G/5G đạt 100%.

Để bảo đảm tính khả thi, mục tiêu phủ sóng phải kèm danh mục 52 bản trắng sóng, 255 bản chưa có băng rộng cố định; phương án cấp điện hoặc nguồn điện độc lập; vị trí, công nghệ trạm; doanh nghiệp thực hiện; nguồn vốn; tiến độ theo quý và cơ chế sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

III. CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Về khoa học, công nghệ

Thực hiện cơ chế tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của các ngành, địa phương, doanh nghiệp; ưu tiên các nhiệm vụ có khả năng tạo sản phẩm, dịch vụ, quy trình công nghệ cụ thể, có địa chỉ ứng dụng rõ ràng, có khả năng thương mại hóa cao.

Danh mục nhiệm vụ năm 2027 được phân thành 03 nhóm để ưu tiên nguồn lực: (i) nhiệm vụ chuyển tiếp, bắt buộc phải duy trì và nhiệm vụ bảo đảm an toàn, an ninh; (ii) nhiệm vụ đã đủ hồ sơ, có sản phẩm đầu ra đo lường được, địa chỉ ứng dụng và tác động trực tiếp; (iii) nhiệm vụ nghiên cứu, chuẩn bị đầu tư hoặc thí điểm. Chỉ bố trí toàn bộ kinh phí cho nhóm (ii) khi đáp ứng điều kiện; nhóm (iii) thực hiện theo giai đoạn, đánh giá kết quả trước khi mở rộng.

Xây dựng và triển khai cơ chế hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu, bao gồm thử nghiệm, hoàn thiện công nghệ, bảo hộ sở hữu trí tuệ, kết nối thị trường, xúc tiến đầu tư và chuyển giao công nghệ.

Thiết lập cơ chế hợp tác thường xuyên, hiệu quả với các viện nghiên cứu, trường đại học, trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, doanh nghiệp công nghệ lớn để chuyển giao tri thức, công nghệ, mô hình quản trị và đào tạo nhân lực. Hình thành các chương trình nghiên cứu - phát triển chung giữa doanh nghiệp và cơ sở nghiên cứu trong các lĩnh vực ưu tiên của tỉnh, gắn nghiên cứu khoa học với nhu cầu thị trường và phát triển kinh tế - xã hội.

Tăng cường đầu tư xây dựng và nâng cấp cơ sở vật chất cho các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm và ứng dụng vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội. Phát triển các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường ứng dụng KH&CN để nâng cao chất lượng các sản phẩm hàng hóa chủ lực theo chuỗi giá trị, gắn liền với truy xuất nguồn gốc sản phẩm và tiến tới bảo hộ thương hiệu. Rà soát, nghiên cứu, lựa chọn và ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ đã được kiểm chứng hiệu quả trong sản xuất, chế biến nông

sản và bảo vệ môi trường, nuôi cấy mô, sản xuất chế phẩm sinh học, ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp; tăng cường hợp tác với các viện, trường, tổ chức khoa học trong và ngoài tỉnh để tiếp nhận chuyển giao công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, xây dựng mô hình ứng dụng tại thực địa nhằm hoàn thiện quy trình kỹ thuật, làm cơ sở nhân rộng và chuyển giao cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

Xây dựng chính sách thu hút các nhà khoa học đến làm việc hoặc tư vấn, nhằm giúp tỉnh nghiên cứu, chuyển giao, và ứng dụng các thành tựu KH&CN có tiềm năng lợi thế tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội.

Cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng ứng dụng công nghệ, học hỏi mô hình, quy trình kỹ thuật tiên tiến từ các cơ sở, viện nghiên cứu, doanh nghiệp uy tín trong và ngoài tỉnh để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Đẩy mạnh hoạt động truyền thông, giới thiệu kết quả nghiên cứu, sản phẩm khoa học và công nghệ của Trung tâm trên các nền tảng mạng như Cổng Thông tin, Zalo Hành chính công, Điện Biên Smart...

Phối hợp nghiên cứu đề xuất thành lập Quỹ đầu tư phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm như:

- Nông nghiệp, nông thôn: Ưu tiên ứng dụng khoa học, công nghệ cao, công nghệ số trong nông nghiệp đặc trưng, nông nghiệp hàng hóa tập trung, gắn với xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ cho sản phẩm chủ lực của tỉnh; Thí điểm mô hình logistics không gian tầm thấp, UAV nông nghiệp trong giám sát sản xuất, vận chuyển vật tư, thu hoạch và tiêu thụ nông sản tại các vùng sản xuất hàng hóa tập trung.

- Du lịch, văn hóa và dịch vụ: Phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh, ứng dụng công nghệ số trong quảng bá, quản lý điểm đến, phát triển sản phẩm du lịch lịch sử, văn hóa, sinh thái gắn với lợi thế của tỉnh Điện Biên. Hỗ trợ doanh nghiệp du lịch, cộng đồng làm du lịch áp dụng nền tảng số trong quản trị, thanh toán, marketing số và kết nối các sàn thương mại điện tử du lịch trong và ngoài nước.

- Y tế và an sinh xã hội: Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân; phát triển nền tảng khám, chữa bệnh từ xa, chẩn đoán hỗ trợ bằng AI và quản lý y tế cơ sở trên môi trường số.

- Giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực: Phát triển hệ sinh thái giáo dục số: nền tảng đào tạo trực tuyến, đánh giá năng lực học tập dựa trên dữ liệu. Tăng cường đào tạo STEM, AI, dữ liệu và kỹ năng đổi mới sáng tạo cho học sinh, sinh viên.

Phát triển kinh tế không gian tầm thấp gắn với logistics, nông nghiệp thông minh và du lịch trải nghiệm; thí điểm hành lang vận chuyển - dịch vụ không gian

tầm thấp tại các vùng sản xuất hàng hóa tập trung và khu, điểm du lịch trọng điểm; bảo đảm yêu cầu quốc phòng, an ninh, an toàn bay và bảo vệ môi trường.

2. Về đổi mới sáng tạo

Triển khai vận hành Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh Điện Biên theo mô hình mở, kết nối chính quyền - doanh nghiệp - viện, trường - cộng đồng khởi nghiệp.

Triển khai chương trình hỗ trợ hình thành, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo chuỗi: ý tưởng - ươm tạo - tăng tốc - thương mại hóa - mở rộng thị trường.

Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận công nghệ mới, chuyển đổi số, đổi mới mô hình kinh doanh; ưu tiên các lĩnh vực tỉnh có lợi thế như nông nghiệp đặc thù, chế biến nông sản, du lịch.

3. Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng

Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, hỗ trợ doanh nghiệp và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tiếp tục phát huy hiệu quả công tác thử nghiệm phục vụ quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa (SPHH); hướng dẫn doanh nghiệp tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia. Tổ chức các lớp tập huấn về áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 cho cán bộ, công chức của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm hàng hóa tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh theo kế hoạch được phê duyệt nhằm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, bảo đảm chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường.

Kiểm định/hiệu chuẩn phương tiện đo theo đăng ký của các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu; kiểm định đối chứng công tơ điện trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Thiết lập, duy trì, bảo quản và khai thác các chuẩn đo lường của địa phương. Thực hiện hoạt động tư vấn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp về hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh.

4. Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân

Hướng dẫn và tham mưu cấp Giấy xác nhận khai báo; cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ; cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ cho các cơ sở sử dụng thiết bị bức xạ trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức Hội nghị tập huấn, tuyên truyền về công tác bảo đảm an toàn bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh. Cập nhật cơ sở dữ liệu hằng năm đối với phần mềm An toàn bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

5. Về chuyển đổi số

5.1. Phát triển hạ tầng số hiện đại, đồng bộ, an toàn

- Đầu tư, nâng cấp hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin bảo đảm phủ sóng băng rộng cố định và di động đến 100% xã, phường, thị trấn, thôn, bản; phủ sóng thông tin di động 4G/5G khu vực có dân cư sinh sống, làm việc đạt 100%. Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp viễn thông triển khai mở rộng vùng phủ sóng, nâng cao chất lượng dịch vụ. Khuyến khích doanh nghiệp viễn thông tiếp tục đầu tư phát triển, nâng cấp hạ tầng viễn thông, đặc biệt tại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực kinh tế - xã hội khó khăn, thưa dân cư. Từng bước khắc phục triệt để các vùng lõm sóng, trắng sóng hiện có và không để phát sinh mới. Khuyến khích doanh nghiệp sử dụng nguồn vốn từ Quỹ viễn thông công ích để phát triển vùng chưa có kết nối.

- Đầu tư, nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh (DC) theo hướng tập trung, hiện đại; kết nối với các trung tâm dữ liệu quốc gia; bảo đảm khả năng lưu trữ, xử lý dữ liệu lớn và vận hành các nền tảng AI, từng bước hình thành hạ tầng điện toán đám mây của tỉnh.

5.2. Phát triển nền tảng dữ liệu và chia sẻ dữ liệu dùng chung

- Duy trì Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) kết nối đồng bộ với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

- Phát triển các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; chỉnh lý, số hóa tài liệu, cập nhật các cơ sở dữ liệu của tỉnh bảo đảm "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung", thúc đẩy liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị.

- Thúc đẩy chia sẻ dữ liệu trên Cổng dữ liệu mở của tỉnh phục vụ người dân, doanh nghiệp.

5.3. Phát triển chính quyền số, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Hoàn thiện các nền tảng số dùng chung trong các cơ quan Đảng, Nhà nước: Hệ thống họp trực tuyến, quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp, họp không giấy, thông tin báo cáo, hệ thống thư điện tử, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, hệ thống chỉ đạo điều hành, cổng thông tin điện tử tỉnh,...

- Mở rộng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hóa theo vòng đời người dân và doanh nghiệp; tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia và các nền tảng định danh, xác thực điện tử. Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, thủ tục hành chính trên môi trường số.

5.4. Phát triển kinh tế số, doanh nghiệp số và xã hội số

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng nền tảng số trong sản xuất, quản lý, marketing, thương mại điện tử và logistics; ưu tiên nông sản đặc sản, sản phẩm OCOP, du lịch cộng đồng và dịch vụ vùng cao.

- Thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt, hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử và nền tảng quản trị số trong doanh nghiệp.

- Phát triển các nền tảng số cộng đồng phục vụ học tập trực tuyến, y tế từ xa, du lịch số, văn hóa số và tương tác chính quyền – người dân.

5.5. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng và chủ quyền số

Triển khai mô hình bảo vệ an toàn thông tin theo mô hình "4 lớp" đối với hệ thống thông tin của tỉnh; xây dựng Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng (SOC) cấp tỉnh.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức Đảng

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức Đảng, cán bộ, đảng viên về vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội. Đổi mới tư duy lãnh đạo, chỉ đạo theo hướng chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm. Lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ về KHCN, ĐMST&CĐS vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương.

2. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách tạo đột phá

Rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các cơ chế, chính sách của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo hướng đồng bộ, thông thoáng, phù hợp với các chủ trương, nghị quyết mới của Trung ương.

Xây dựng cơ chế đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của các ngành, địa phương, doanh nghiệp; thực hiện khoán chi đến sản phẩm cuối cùng; gắn trách nhiệm của tổ chức, cá nhân chủ trì với hiệu quả ứng dụng.

Mỗi nhiệm vụ, dự án phải xác định rõ cơ quan chịu trách nhiệm chính, mục tiêu định lượng, sản phẩm đầu ra, dữ liệu đầu vào, mốc tiến độ, tổng chi phí vòng đời, kinh phí vận hành thường xuyên sau đầu tư, phương án kết nối - chia sẻ dữ liệu, yêu cầu an toàn thông tin và tiêu chí dừng hoặc điều chỉnh. Không phê duyệt nhiệm vụ có nội dung trùng lặp với nền tảng quốc gia, hệ thống của bộ, ngành hoặc hệ thống dùng chung của tỉnh.

Xây dựng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với công nghệ, mô hình kinh doanh và dịch vụ số mới trong các lĩnh vực: AI, UAV nông nghiệp - logistics không gian tầm thấp.

3. Tăng cường đầu tư, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực

Ưu tiên bố trí và huy động đa dạng nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng KHCN, ĐMST&CĐS, trọng tâm là nâng cấp, mở rộng hạ tầng số, phát triển mạng lưới trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hệ thống phòng thí nghiệm; thúc đẩy hợp tác công - tư.

Ưu tiên ngân sách theo mức độ sẵn sàng và hiệu quả dự kiến, không phân bổ dàn trải. Đối với hệ thống số, ngoài chi phí đầu tư ban đầu phải tính đủ chi phí thuê dịch vụ, bản quyền, lưu trữ, đường truyền, bảo đảm an toàn thông tin, duy trì dữ liệu, đào tạo người dùng và nâng cấp trong toàn bộ vòng đời. Thực hiện rà soát sau đầu tư, công khai tỷ lệ sử dụng và điều chuyển kinh phí đối với hệ thống hoạt động kém hiệu quả.

4. Phát triển nguồn nhân lực

Phát triển đội ngũ chuyên gia, cán bộ kỹ thuật trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa; có chính sách thu hút, trọng dụng chuyên gia, trí thức, nhân lực chất lượng cao trong và ngoài tỉnh.

Đẩy mạnh hợp tác giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu, doanh nghiệp trong đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ; gắn đào tạo với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động.

Phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân, nhất là người dân khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thu hẹp khoảng cách về tiếp cận và sử dụng công nghệ số.

5. Tăng cường hợp tác trong nước, quốc tế

Chủ động mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác trong nước, quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, coi đây là kênh quan trọng để tiếp cận tri thức mới, công nghệ tiên tiến, mô hình quản trị hiện đại và nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển nhanh, xanh và bền vững của tỉnh.

Xây dựng và triển khai chương trình hợp tác quốc tế có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các lĩnh vực tỉnh có nhu cầu và lợi thế như: nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ; quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; du lịch thông minh, bảo tồn và phát huy giá trị di sản; y tế số, giáo dục số; dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và chính quyền số.

Đối với các mô hình AI, UAV, đô thị thông minh và nền tảng dữ liệu, phải thực hiện đánh giá độc lập sau thí điểm, bao gồm hiệu quả kỹ thuật, hiệu quả kinh tế - xã hội, mức độ chấp nhận của người dùng, an toàn dữ liệu, an ninh mạng và khả năng vận hành của cơ quan nhà nước. Chỉ nhân rộng khi đạt tiêu chí và bố trí được nguồn lực vận hành bền vững.

PHẦN THỨ BA
KẾ HOẠCH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH, CN, ĐMST&CĐS NĂM 2027

I. CĂN CỨ

- Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15.

- Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15.

- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Luật Đo lường số 04/2011/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

- Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ ngày 14/01/2026 sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025.

- Quy định số 05-QĐ/BCĐTW ngày 27/8/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ban hành quy định về Mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị.

- Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

- Chỉ thị số 57-CT/TW ngày 31/12/2025 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị;

- Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2026-2030;

- Nghị quyết số 25/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 – 2030;

- Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 12/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2027;

- Các chiến lược, chương trình, đề án bao gồm: Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 và định hướng kế hoạch tài chính quốc gia giai đoạn 2026-2030;

- Điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 (Quyết định số 604/QĐ-TTg ngày 02/4/2026);

- Kế hoạch tổng thể về KH, CN, ĐMST&CĐS 5 năm giai đoạn 2026-2030 (Quyết định số 2227/QĐ-BKHCN ngày 24/4/2026);

- Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 (Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021);

- Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 (Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024);

- Nghị định số 45/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Nghị định 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;

- Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về Ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số;

- Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung (Phiên bản 1.0);

- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

- Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 27/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Điện Biên về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030, định hướng đến 2035;

- Kế hoạch số 216-KH/TU ngày 28/4/2025 của Tỉnh ủy Điện Biên về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

- Kế hoạch số 2185/KH-UBND ngày 20/5/2025 của UBND tỉnh Điện Biên thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 1898/KH-UBND ngày 17/3/2026 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026-2030;

II. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CHI SỰ NGHIỆP KH, CN, ĐMST&CĐS NĂM 2027

- Dự toán ngân sách chi sự nghiệp KH, CN, ĐMST&CĐS năm 2027 của tỉnh: 751,938 tỷ đồng *(tăng 453,067 tỷ đồng so với dự toán giao năm 2026[23]; tăng 359,791 tỷ đồng so với tổng kinh phí bố trí cho KH, CN, ĐMST&CĐS năm 2026)*, gồm:

+ Chi khoa học công nghệ: 66,778 tỷ đồng (trong đó, lĩnh vực y tế: 6,850 tỷ đồng, lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dạy nghề: 0,4 tỷ đồng, còn lại 59,528 tỷ đồng tập trung chủ yếu thuộc lĩnh vực nông nghiệp và một số nhiệm vụ khoa học công nghệ khác).

[23] Nghị quyết 271/NQ-HĐND ngày 09/12/2025

+ Chi đổi mới sáng tạo: 94,271 tỷ đồng

+ Chi chuyển đổi số: 590,889 tỷ đồng (trong đó, lĩnh vực y tế 24,917 tỷ đồng, lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dạy nghề: 25,977 tỷ đồng, xây dựng và thực thi pháp luật 0,432 tỷ đồng, an ninh quốc phòng: 231,369 tỷ đồng, còn lại 308,195 tỷ đồng chủ yếu về thực hiện chính quyền số).

Mức 751,938 tỷ đồng là tổng nhu cầu đề xuất, chưa phải mức dự toán chắc chắn được giao. Trước khi trình cấp có thẩm quyền, cần đối chiếu, thuyết minh rõ hai số so sánh "tăng 453,067 tỷ đồng" và "tăng 359,791 tỷ đồng"; thống nhất phạm vi tính ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, kinh phí chuyển nguồn và kinh phí đã bố trí nhưng chưa phân bổ; đồng thời sắp xếp thứ tự ưu tiên theo khả năng cân đối ngân sách và mức độ sẵn sàng của hồ sơ.

(Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo)

III. KẾ HOẠCH CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LĨNH VỰC KH, CN, ĐMST&CĐS NĂM 2027

1. Định hướng chi đầu tư phát triển lĩnh vực KH, CN, ĐMST&CĐS năm 2027

Thực hiện đầu tư 01 dự án thuộc dự kiến kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030: Mở rộng các cơ sở dữ liệu dùng chung, bảo đảm an toàn thông tin và nền tảng đô thị thông minh tỉnh Điện Biên.

2. Dự kiến nhu cầu kế hoạch đầu tư công năm 2027 theo từng nguồn vốn

Dự kiến nhu cầu kế hoạch đầu tư công năm 2027 nguồn vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương 186,497 tỷ đồng.

Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư phát triển lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là 186,497 tỷ đồng, tăng 177,537 tỷ đồng so với kế hoạch vốn đầu tư giao năm 2026.

(Chi tiết tại Phụ lục 4 kèm theo)

PHẦN THỨ TƯ
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức, hướng dẫn triển khai Kế hoạch trên địa bàn tỉnh. Triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển tài sản trí tuệ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động quản lý điều hành. Tổ chức triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án được giao quản lý.

Tham mưu UBND tỉnh các cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển các lĩnh vực ngành phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thường xuyên rà soát, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về lĩnh vực KH&CN trên địa bàn để kịp thời phát hiện, hướng dẫn, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật.

2. Sở Tài chính

Tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn ngân sách đầu tư và ngân sách sự nghiệp để triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án về đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời bảo đảm nguồn lực thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia: Chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030; Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030.

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ phát triển Khoa học và Công nghệ, Đổi mới sáng tạo, đề án Chuyển đổi số; Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động chỉ đạo điều hành của cơ quan, đơn vị.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ phát triển Khoa học và Công nghệ, Đổi mới sáng tạo, đề án Chuyển đổi số; Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh; thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật phục vụ phát triển sản xuất và đời sống.

Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; tích cực phối hợp trong công tác truyền thông về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp khoa học và công nghệ hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Phối hợp chỉ đạo, triển khai thực hiện và hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ về phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027 tại địa phương.

Tạo điều kiện thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển tài sản trí tuệ tại địa phương nhằm phục vụ hiệu quả mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp khoa học và công nghệ hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động khoa học và công nghệ tại địa phương.

5. Các đơn vị thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, doanh nghiệp bưu chính, viễn thông và CNTT trên địa bàn

Đề nghị các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ triển khai thực hiện các nhiệm vụ đúng tiến độ đề ra để thực hiện ứng dụng công nghệ phát triển kinh tế - xã hội.

Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với chính quyền, các cơ quan chuyên môn của địa phương trong việc phát triển hạ tầng theo quy hoạch chung và ngành của tỉnh. Tích cực, chủ động hợp tác trong việc dùng chung cơ sở hạ tầng bảo đảm tiết kiệm đầu tư, cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng cùng có lợi.

Chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật. Tăng cường phát triển hạ tầng số, cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông đến các địa bàn khó khăn, vùng sâu vùng xa, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc ít người để bảo đảm điều kiện thụ hưởng các dịch vụ bưu chính, viễn thông cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026; Định hướng hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027; Kế hoạch dự toán ngân sách khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027. UBND tỉnh Điện Biên kính gửi Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh
- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Điện Biên;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Đoạt